BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2013-2014

Môn học : Anh văn căn bản 3 - 1105003

Mã lớp học phần: 110500308 **Số tín chỉ: 3.00**

Giảng viên giảng dạy:

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:** _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1210080001	Cao Tuấn	**Anh**	05/10/1994		3,0	Ba chẵn	C14MT	
2	1210080010	Đỗ Trọng	**Hiếu**	14/03/1993		3,8	Ba tám	C14MT	
3	1210080014	Nguyễn Việt	**Hùng**	20/01/1994		4,4	Bốn bốn	C14MT	
4	1210080018	Dương Thị Thanh	**Lan**	06/07/1993		6,8	Sáu tám	C14MT	
5	1210080019	Nguyễn Trần Ngọc	**Lan**	19/08/1994		4,6	Bốn sáu	C14MT	
6	1210080024	Nguyễn Hoàng	**Long**	08/10/1994		3,1	Ba một	C14MT	
7	1210080021	Nguyễn Đại	**Lộc**	30/05/1993		2,3	Hai ba	C14MT	
8	1210080022	Trần Thành	**Lộc**	04/08/1994		3,8	Ba tám	C14MT	
9	1210080025	Trương Thị	**Luôn**	1994		6,3	sáu ba	C14MT	
10	1210080026	Mai Tiểu	**My**	01/01/1994		5,2	Năm hai	C14MT	
11	1210080028	Phạm Thị Thúy	**Nga**	13/05/1994		4,0	Bốn chẵn	C14MT	
12	1210080029	Nguyễn Thị Kim	**Ngọc**	29/10/1994		5,1	Năm một	C14MT	
13	1210080032	Huỳnh Thanh	**Nhi**	16/05/1993		5,3	Năm ba	C14MT	
14	1210080035	Nguyễn Thị Hồng	**Nhung**	13/01/1994		4,5	Bốn rưỡi	C14MT	
15	1210080033	Thi Thị Mỹ	**Như**	18/07/1994		6,3	Sáu ba	C14MT	
16	1210080034	Huỳnh Phi	**Nhựt**	26/02/1994		6,2	Sáu hai	C14MT	
17	1210080036	Nguyễn Văn	**Phát**	18/10/1994		3,3	Ba ba	C14MT	
18	1210080037	Nguyễn Đức	**Quang**	04/06/1994		4,6	Bốn sáu	C14MT	
19	1210080040	Nguyễn Bảo	**Thanh**	16/09/1994		4,9	Bốn chín	C14MT	
20	1210080045	Ngô Thị Thùy	**Trang**	12/03/1994		3,8	Ba tám	C14MT	
21	1210080042	Nguyễn Thị Ngọc	**Trâm**	04/06/1994		5,5	Năm rưỡi	C14MT	
22	1210080044	Phan Thị Ngọc	**Trân**	23/10/1994		4,6	Bốn sáu	C14MT	
23	1210080047	Nguyễn Thị Ngọc	**Trinh**	12/02/1994		6,6	Sáu sáu	C14MT	
24	1210080049	Nguyễn Huỳnh Minh	**Tuấn**	06/04/1994		5,0	Năm chẵn	C14MT	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2013-2014

Môn học : Anh văn căn bản 3 - 1105003
Mã lớp học phần: 110500308 **Số tín chỉ: 3**
Giảng viên giảng dạy:
Ngày thi: 18/12/13 **Giờ thi:** 7h30' **Phòng thi:** A2.2

Giám thị 1: P. Thuận Ký tên:
Giám thị 2: M. Bình Ký tên:
Giám thị 3: Ký tên:
Giám thị 4: Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1210080001	Cao Tuấn	Anh	05/10/1994		1	2.5	Hai năm	C14MT	
2	1210080010	Đỗ Trọng	Hiếu	14/03/1993		1	4.2	Bốn hai	C14MT	
3	1210080014	Nguyễn Việt	Hùng	20/01/1994		1	2.4	Hai tư	C14MT	
4	1210080018	Dương Thị Thanh	Lan	06/07/1993		1	4.2	Bốn hai	C14MT	
5	1210080019	Nguyễn Trần Ngọc	Lan	19/08/1994		1	4.0	Bốn	C14MT	
6	1210080024	Nguyễn Hoàng	Long	08/10/1994		1	3.6	Ba sáu	C14MT	
7	1210080021	Nguyễn Đại	Lộc	30/05/1993		1	3.7	Ba bảy	C14MT	
8	1210080022	Trần Thành	Lộc	04/08/1994		1	4.1	Bốn một	C14MT	
9	1210080025	Trương Thị	Luôn	1994		1	3.5	Ba năm	C14MT	
10	1210080026	Mai Tiểu	My	01/01/1994		1	3.6	Ba sáu	C14MT	
11	1210080028	Phạm Thị Thúy	Nga	13/05/1994		1	3.0	Ba	C14MT	
12	1210080029	Nguyễn Thị Kim	Ngọc	29/10/1994		1	5.8	Năm tám	C14MT	
13	1210080032	Huỳnh Thanh	Nhi	16/05/1993		1	4.2	Bốn hai	C14MT	
14	1210080035	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	13/01/1994		1	3.0	Ba	C14MT	
15	1210080033	Thi Thị Mỹ	Như	18/07/1994		1	5.3	Năm ba	C14MT	
16	1210080034	Huỳnh Phi	Nhựt	26/02/1994		1	5.2	Năm hai	C14MT	
17	1210080036	Nguyễn Văn	Phát	18/10/1994		1	3.7	Ba bảy	C14MT	
18	1210080037	Nguyễn Đức	Quang	04/06/1994		1	4.9	Bốn chín	C14MT	
19	1210080040	Nguyễn Bảo	Thanh	16/09/1994		1	4.7	Bốn bảy	C14MT	
20	1210080045	Ngô Thị Thùy	Trang	12/03/1994		1	4.3	Bốn ba	C14MT	
21	1210080042	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	04/06/1994		1	5.3	Năm ba	C14MT	
22	1210080044	Phan Thị Ngọc	Trân	23/10/1994		1	4.7	Bốn bảy	C14MT	
23	1210080047	Nguyễn Thị Ngọc	Trinh	12/02/1994		1	5.3	Năm ba	C14MT	
24	1210080049	Nguyễn Huỳnh Minh	Tuấn	06/04/1994		1	4.9	Bốn chín	C14MT	

Lưu ý: *sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*